

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2020
V/v *Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Chiến và bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2020/TLST-DS ngày 05/6/2020 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/QĐXXST-DS ngày 22/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N Việt Nam.

Địa chỉ: Số , phường T, quận B, Tp. Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Công T – Giám đốc Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk (theo Quyết định số 2965/QĐ-NH-PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng N Việt Nam).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Trọng N – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch E - Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk (theo giấy ủy quyền số 10/NH-VP ngày 20/3/2020).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 và bà Cấn Thị Thanh T1, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Buôn A, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Bà T1 ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 30/6/2020), ông T có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Phương T2, sinh ngày 06/9/2003 và anh Nguyễn Minh H, sinh ngày 25/01/2009.

Cùng trú tại: Buôn A, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn T và bà Cán Thị Thanh T1 là cha mẹ chị T2, anh H).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng N trình bày:

Vào ngày 14/12/2018 ông Nguyễn Văn T ký hợp đồng tín dụng số 5204LAV201803889 với Ngân hàng N Việt Nam (tại Phòng giao dịch A - Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk) để vay số tiền 1.000.000.000đ, lãi suất tại thời điểm vay 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15,8%/năm, thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn trả nợ là ngày 14/12/2019 (Bà T1 ủy quyền cho ông T ký hợp đồng tín dụng để vay vốn tại Ngân hàng theo giấy ủy quyền ngày 23/02/2017).

Quá trình vay nợ ông T đã trả tiền lãi cho Ngân hàng được 4.890.411^d. Số tiền còn lại từ khi quá hạn trả nợ cho đến nay ông T vẫn không trả thêm cho Ngân hàng được khoản nào. Hiện nay, ông T, bà T1 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 1.000.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 14/8/2020 là 204.965.753đ.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông T và bà T1 đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 33/17/TC ngày 24/02/2017 với Ngân hàng để thế chấp các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 950902 do UBND huyện K cấp ngày 04/12/2013. Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 22, diện tích 3.290m². Địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, mang tên hộ ông Nguyễn Văn T, bà Cán Thị Thanh T1.

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 950903 do UBND huyện K cấp ngày 04/12/2013. Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 22, diện tích 6.575m². Địa chỉ thửa đất: Thôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, mang tên hộ ông Nguyễn Văn T, bà Cán Thị Thanh T1.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà T1 trả cho Ngân hàng số tiền 1.204.965.753đ.^d, trong đó nợ gốc 1.000.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 14/8/2020 là 204.965.753đ. Yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 15/8/2020 cho đến khi trả xong nợ. Trong trường hợp ông T, bà T1 không trả nợ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí: Ngân hàng đề nghị bị đơn chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Về quá trình vay, số tiền vay, tài sản thế chấp và quá trình trả nợ, số tiền nợ còn lại như đại diện Ngân hàng đã trình bày là đúng. Ông thống nhất ý kiến trình bày của đại diện Ngân hàng và không có ý kiến gì khác.

Các tài sản thế chấp nói trên trên là do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng đất theo kết quả đấu giá quyền sử dụng đất vào năm 2013 và đã được UBND huyện K

cấp cho hộ gia đình ông, các con ông lúc đó đều đang còn nhỏ, không có đóng góp gì. Tuy nhiên, do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình nên các con ông cũng có quyền lợi.

Nay Ngân hàng N Việt Nam yêu cầu ông T và bà T1 trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 14/8/2020 là 204.965.753đ và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 15/8/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, ông T chấp nhận trả nợ cho Ngân hàng số tiền như trên. Tuy nhiên, do một mình ông T ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nên một mình ông có trách nhiệm trả nợ. Bà T1 không ký hợp đồng nên bà T1 không có trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng tín dụng này.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T không trả được nợ, ông T đồng ý để Ngân hàng xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với các con của ông T còn nhỏ phải nuôi ăn học, không liên quan gì đến khoản nợ này nên không có trách nhiệm trả nợ. Chỉ một mình ông T chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh thu thập chứng cứ, trình tự thụ lý, giao thông báo thụ lý, thời hạn xét xử theo đúng quy định tại các Điều 35; 39; 48; 68; 96; 97; 102; 195; 196; 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo các Điều 70; 71; 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N Việt Nam.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Cán Thị Thanh T1 phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 1.000.000.000đ và tiền lãi theo quy định.

Trong trường hợp ông T, bà T1 không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông T, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, ông T, bà T1 phải chịu tiền chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng N Việt Nam yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T, bà Cấn Thị Thanh T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc 1.000.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ khi vay cho đến nay, đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; bị đơn ông T, bà T1 cư trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Cấn Thị Thanh T1 đã có giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T tham gia tố tụng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Phương T2, sinh ngày 06/9/2003 và anh Nguyễn Minh H, sinh ngày 25/01/2009 (là những người con của ông T, bà T) thành viên hộ gia đình, dưới 18 tuổi nên ông T là người đại diện cho chị T2, anh H tham gia tố tụng tại Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] *Về các yêu cầu nguyên đơn:*

Vào ngày 14/12/2018 ông Nguyễn Văn T ký hợp đồng tín dụng số 5204LAV201803889 với Ngân hàng N Việt Nam (Phòng giao dịch E - Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tỉnh Đắk Lắk) vay số tiền 1.000.000.000đ, lãi suất 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15,8%/năm, thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn trả nợ ngày 14/12/2019. Thực hiện hợp đồng ông T đã trả tiền lãi được 4.890.411^d. Hiện nay, ông T, bà T1 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 1.000.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 14/8/2020 là 204.965.753^d. Bị đơn ông T công nhận có ký hợp đồng vay của Ngân hàng số tiền 1.000.000.000đ, nhưng ông cho rằng bà Cấn Thị Thanh T1 không ký hợp đồng tín dụng, nên chỉ một mình ông có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào giấy ủy quyền ngày 23/02/2017 được UBND xã E chứng thực theo đó bà Cấn Thị Thanh T1 ủy quyền cho ông T được đại diện cho bà T1 thực hiện các giao dịch trong quan hệ cấp tín dụng, giao dịch bảo đảm tiền vay và các giao dịch khác liên quan đến tiền vay của N, giấy ủy quyền có giá trị từ ngày ký cho đến khi có văn bản khác thay thế, tại thời điểm ông T ký kết hợp đồng tín dụng, không có văn bản nào khác thay thế giấy ủy quyền trên, nên giấy ủy quyền vẫn có hiệu lực pháp luật đối với các giao dịch do ông T thực hiện. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 5204LAV201803889 được ký kết ngày 14/12/2018 giữa ông T với Ngân hàng có hiệu lực đối với cả ông T và bà T1. Quá hạn trả nợ, bị đơn không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ của người vay, căn cứ Điều 466 BLDS, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, cần tuyên bố hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật. Buộc bị đơn ông T và bà T1 phải trả nợ cho ngân hàng số tiền gốc là 1.000.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 14/8/2020 là 204.965.753^d và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/8/2020 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong là có căn cứ cần chấp nhận.

Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Bảo đảm cho hợp đồng tín dụng vợ chồng ông T và bà T1 đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 33/17/TC ngày 24/02/2017 với Ngân hàng để thế chấp các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 950902 do UBND huyện K cấp ngày 04/12/2013. Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 22, diện tích 3.290m². Địa chỉ thửa đất: Thôn E, xã A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, mang tên hộ ông Nguyễn Văn T, bà Cấn Thị Thanh T1.

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 950903 do UBND huyện K cấp ngày 04/12/2013. Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 22, diện tích 6.575m². Địa chỉ thửa đất: Thôn E, xã A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, mang tên hộ ông Nguyễn Văn T, bà Cấn Thị Thanh T1. Hợp đồng thế chấp được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông T cho rằng nguồn gốc hai thửa đất thế chấp tại Ngân hàng là do ông và bà T1 mua trúng đấu giá, các con ông không có đóng góp gì nhưng nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hộ ông Nguyễn Văn T, bà Cấn Thị Thanh T1 nên phải xem xét quyền lợi cho các con ông bà. Xét thấy các thửa đất ông T, bà T1 thế chấp do ông bà mua trúng đấu giá, khi cấp giấy chứng nhận QSD đất UBND huyện cấp cho Hộ gia đình là không chính xác, mặt khác ông T khai các con ông không có đóng góp gì trong khối tài sản thế chấp này. Do đó tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là tài sản của ông T, bà T1. Mặt khác, tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp tài sản, các con của ông T, bà T1 chưa ai đủ 15 tuổi nên không bắt buộc phải ký hợp đồng thế chấp trên. Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 33/17/TC ngày 24/02/2017 giữa các bên được ký kết hợp pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng trình tự quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn.

Trong trường hợp ông T, bà T không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng N Việt Nam thì xử lý tài sản thế chấp của ông T, bà T1 theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự 2015 để thu hồi công nợ.

Trường hợp ông T, bà T1 trả xong khoản nợ gốc và lãi cho ngân hàng, thì ngân hàng phải trả lại cho ông T, bà T1 các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[4] *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* Căn cứ vào Điều 158 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn ông T, bà T1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ. Ngân hàng N Việt Nam được nhận lại số tiền 2.000.000đ đã nộp tạm ứng chi phí khi Chi cục Thi hành án dân sự thu được tiền chi phí của ông T, bà T1.

[5] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 48.148.000đ

- Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 158; khoản 2 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 299; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam.

- Công nhận hợp đồng tín dụng số 5204LAV201803889 ngày 14/12/2018 được ký kết giữa Ngân hàng N Việt Nam với ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Cấn Thị Thanh T1 phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam (Trả tại Phòng giao dịch E - Chi nhánh Ngân hàng N huyện K – tỉnh Đắk Lắk) số tiền 1.204.965.753đ (*Một tỷ hai trăm lẻ bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*). Trong đó tiền gốc là 1.000.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 14/8/2020 là 204.965.753đ.

Kể từ ngày 15/8/2020 ông T, bà T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Sau khi ông T, bà T1 trả nợ xong thì Ngân hàng N Việt Nam có nghĩa vụ trả lại cho ông T, bà T1 các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 950902 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 950903 do UBND huyện K cấp ngày 04/12/2013.

Trong trường hợp ông T, bà T1 không trả được nợ cho ngân hàng, thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 33/17/TC ngày 24/02/2017 gồm các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 950902 do UBND huyện K cấp ngày 04/12/2013. Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 22, diện tích 3.290m². Địa chỉ thửa đất: thôn E, xã A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk mang tên hộ ông Nguyễn Văn T, bà Cấn Thị Thanh T1.

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 950903 do UBND huyện K cấp ngày 04/12/2013. Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 22, diện tích 6.575m². Địa chỉ thửa đất: thôn E, xã A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, mang tên hộ ông Nguyễn Văn T, bà Cấn Thị Thanh T1.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Bị đơn ông T, bà T1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ. Ngân hàng N Việt Nam được nhận lại số tiền 2.000.000đ đã nộp tạm ứng chi phí khi Chi cục Thi hành án dân sự thu được tiền chi phí của ông T, bà T1.

Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Cấn Thị Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 48.148.000đ (*Bốn mươi tám triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho Ngân hàng N Việt Nam (trả tại Phòng giao dịch Ea - Ngân hàng N chi nhánh K, tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: thôn, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) số tiền tạm ứng án phí 22.761.000đ (*hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai số: 8530 ngày 03/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Tuyên